TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 15-Phòng Kế toán, thống kê, tài chính

Tháng 3 năm 2022

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Giờ PN	PC HĐCĐ	PC trách nhiệm	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ						Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương					BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Phí ở chung cư			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**66**		**42.363.000**			**524.150**	**42.887.150**	**2.448.200**	**459.200**	**306.100**	**396.700**	**165.000**	**472.000**	**4.247.200**	**38.639.950**	
1	HL-00037	Lê Đức Đạo	Phó phòng	10.483.000	27	A	14.121.000			524.150	14.645.150	880.600	165.200	110.100	134.900	55.000		1.345.800	13.299.350	
2	HL-00096	Phạm Văn Lợi	Phó phòng	9.797.000	20	A	14.121.000				14.121.000	783.800	147.000	98.000	130.900	55.000		1.214.700	12.906.300	
3	HL-00895	Phan Mạnh Hà	Phó phòng	9.797.000	19	A	14.121.000				14.121.000	783.800	147.000	98.000	130.900	55.000	472.000	1.686.700	12.434.300	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**309**		**124.146.000**	**793.775**	**3.150.000**	**160.000**	**128.249.775**	**6.565.400**	**1.231.400**	**820.900**	**1.196.300**	**715.000**		**10.529.000**	**117.720.775**	
4	HL-00986	Hà Thanh Tùng	Chuyên viên	5.609.000	27	A	9.126.000				9.126.000	448.800	84.200	56.100	85.400	55.000		729.500	8.396.500	
5	HL-03147	Hà Thị Trang	Chuyên viên	5.609.000	16	A	9.126.000	71.297			9.197.297	448.800	84.200	56.100	86.100	55.000		730.200	8.467.097	
6	HL-04216	Nguyễn Thanh Hải	Chuyên viên	6.818.000	24	A	10.962.000				10.962.000	545.500	102.300	68.200	102.500	55.000		873.500	10.088.500	
7	HL-00041	Hoàng Thị Loan	Thủ quỹ	6.818.000	27	A	9.126.000	63.375		160.000	9.349.375	558.300	104.700	69.800	86.200	55.000		874.000	8.475.375	
8	HL-00040	Ngô Thị Phương Thảo	Chuyên viên	6.818.000	27	A	9.126.000	63.375	1.350.000		10.539.375	545.500	102.300	68.200	98.200	55.000		869.200	9.670.175	
9	HL-01035	Nguyễn Thị Lan	Chuyên viên	6.184.000	27	A	9.126.000	63.375	900.000		10.089.375	494.800	92.800	61.900	94.400	55.000		798.900	9.290.475	
10	HL-01385	Đỗ Thị Vân Anh	Chuyên viên	5.609.000	18	A	9.126.000	63.375			9.189.375	448.800	84.200	56.100	86.000	55.000		730.100	8.459.275	
11	HL-01332	Đỗ Thị Thu Thảo	Chuyên viên	5.609.000	20	A	9.126.000	85.556			9.211.556	448.800	84.200	56.100	86.200	55.000		730.300	8.481.256	
12	HL-01776	Hoàng Thị Thịnh	Chuyên viên	6.818.000	27	A	9.126.000	63.375			9.189.375	545.500	102.300	68.200	84.700	55.000		855.700	8.333.675	
13	HL-01803	Nguyễn Thị Lan Hương	Chuyên viên	6.818.000	27	A	10.962.000	76.125			11.038.125	545.500	102.300	68.200	103.200	55.000		874.200	10.163.925	
14	HL-01953	Trần Thị Vân	Chuyên viên	6.184.000	22	A	9.126.000	77.778			9.203.778	494.800	92.800	61.900	85.500	55.000		790.000	8.413.778	
15	HL-02770	Đặng Thị Vinh	Chuyên viên	6.818.000	20	A	10.962.000	102.769	900.000		11.964.769	545.500	102.300	68.200	112.500	55.000		883.500	11.081.269	
16	HL-04160	Nguyễn Thị Minh Châu	Chuyên viên	6.184.000	27	A	9.126.000	63.375			9.189.375	494.800	92.800	61.900	85.400	55.000		789.900	8.399.475	
Tổng cộng					**375**		**166.509.000**	**793.775**	**3.150.000**	**684.150**	**171.136.925**	**9.013.600**	**1.690.600**	**1.127.000**	**1.593.000**	**880.000**	**472.000**	**14.776.200**	**156.360.725**	

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 4 năm 2022

LẬP BIỂU	PHÒNG TCNS	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	**Nguyễn Văn Thỏa**	**Đặng Thanh Lam**	**Phạm Văn Hùng**